TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 522/2025/HS-PT
Ngày: 11/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Bùi Anh Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

- Công chức tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 597/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Huy Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Phạm Quốc Công T1 phạm tội "Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Ngọc T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 5 năm 1999, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKHKTT: Tổ G, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Đ1 và con bà: Hà Tuấn K; có vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 2000 và có 02 con, đều sinh năm 2003; tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

2. Nguyễn Huy Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 11 năm 1992, tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT: Tổ A, Cụm C, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Huy T2 và con bà: Nguyễn Thị H1; có vợ: Nguyễn Thị Thùy L (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án hình sự số 26/2024/HSST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 19 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

3. Phạm Quốc Công T1; Giới tính: Nam. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1991, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi ĐKHKTT: Tổ B, Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Quốc T3 và con bà: Đặng Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/6/2024; Có mặt

**** Người bào chữa cho bị cáo T, Đ do Tòa án chỉ định:*** Luật sư Đặng Thị Vân T4 - Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi bị cáo Nguyễn Ngọc T cùng các đồng phạm Lý Thu L1 và Lê Đức H2 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chiếm đoạt tài sản của Công ty T15:

Từ năm 2019, Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1999 (trú tại Tổ G, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái) quen Lý Thu L1, sinh năm 1984 (trú tại Số E+7, ngách A Đ, tổ E, phường Q, quận T, Thành phố Hà Nội) và Lê Đức H2, sinh năm 1996 (trú tại thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình) cùng làm dịch vụ hỗ trợ vay vốn cho các Công ty tài chính. Tháng 01/2022, H2 rủ T và Lê cùng làm giả hồ sơ vay vốn của Công ty T15 *(*Công ty F*)* nhằm chiếm đoạt tiền giải ngân để chia nhau. Sau đó T lập một tài khoản Facebook và T, H2, Lê đều có quyền quản trị (không nhớ tên tài khoản) để quảng cáo nhận hỗ trợ làm hồ sơ vay vốn của các Công ty tài chính. Khi có người liên hệ nhờ làm hồ sơ vay vốn thì T, H2, L1 yêu cầu gửi thông tin cá nhân gồm Chứng minh nhân dân *(CMND)* hoặc Căn cước công dân *(CCCD)* và T5 bảo hiểm y tế để kiểm tra xem có đủ điều kiện vay vốn của Công ty F1 không (kiểm tra bằng các ứng dụng Zalopay, ví M hoặc thuê dịch vụ kiểm tra thông tin khách hàng vay vốn trên kho dữ liệu của Trung tâm quản lý thông tin khách hàng thuộc Ngân hàng N5, gọi là "Check CIC"; kiểm tra trên kho dữ liệu của Trung tâm quản lý thông tin khách hàng của Công ty F, gọi là "Check Pega", việc check CIC, Pega được thông qua các dịch vụ trên mạng xã hội); nếu khách hàng đủ điều kiện vay thì T, H2, Lê hẹn gặp để làm hồ sơ. Do quen biết với Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1990 (trú tại Thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), Lê liên H4 thuê Code của H3 (C là tên và mật khẩu đăng nhập vào ứng dụng Vymo, là ứng dụng tạo lập hồ sơ vay trực tuyến của các nhân viên hoặc cộng tác viên tư vấn tín dụng của Công ty F) để tạo lập hồ sơ vay vốn cho khách hàng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; H3 không biết L1 có mục đích chiếm đoạt tiền, nên nhất trí cho Lê mượn với điều kiện L1 phải trả cho H3 10% khoản vay khi được giải ngân và yêu cầu Lê phải quay lại Video khách hàng xác nhận đã nhận đủ tiền vay của Công ty F.

Khi làm hồ sơ vay vốn cho khách, Lê gửi thông tin cho H3 để H3 sử dụng Code của mình tạo lập hồ sơ vay. Sau đó H2 hoặc T trực tiếp đi gặp khách hàng, sử dụng ứng dụng đăng ký tài khoản trực tuyến của các Ngân hàng lấy thông tin của khách để đăng ký một tài khoản và đăng ký dịch vụ Banking bằng số điện thoại di động do H2 hoặc T mua từ trước; tài khoản ngân hàng đăng ký bằng thông tin khách hàng được đưa lên nhóm Z để Lê chuyển cho H3 đưa vào hồ sơ vay làm tài khoản nhận tiền giải ngân. Huấn tạo hồ sơ vay đến bước chụp ảnh khách hàng để xác thực thông tin người vay thì gửi tên đăng nhập và mật khẩu đăng nhập Code cho L1, rồi Lê đưa lên nhóm Zalo chung (không nhớ tên nhóm) để H2 hoặc T đăng nhập vào Code chụp ảnh chân dung khách hàng xác thực thông tin rồi lại thoát ra để H3 tiếp tục hoàn thiện việc tạo lập hồ sơ. Tạo lập xong hồ sơ vay thì ứng dụng yêu cầu khách hàng ký hợp đồng vay vốn điện tử; H2 hoặc T sẽ đăng nhập ứng dụng Fe Mobile để chụp ảnh CMND hoặc CCCD và ảnh chân dung khách hàng để ký Hợp đồng vay vốn; ký xong H2 hoặc T báo cho khách hàng là Công ty T15 sẽ gọi thẩm định hồ sơ vay và giải ngân sau 01 đến 02 ngày. Sau đó H2 hoặc T nói dối khách hàng là do trả lời thẩm định không tốt, nên Công ty tài chính không giải ngân để mượn sim điện thoại của khách nghe thẩm định, vì nếu khách hàng trực tiếp nghe điện thoại thì sẽ biết hành vi lừa đảo của các đối tượng. Khi Công ty F giải ngân khoản vay, T, H2 và Lê hẹn gặp khách hàng và tiếp tục nói dối là Công ty tài chính chỉ giải ngân một phần tiền so với nhu cầu vay, rồi dùng các tài khoản ngân hàng mua trên mạng xã hội (tài khoản trung chuyển) để chuyển một phần tiền vay cho khách hàng. Sau đó các đối tượng quay Video và hướng dẫn khách hàng nói đã nhận đủ số tiền giải ngân, quay xong T sử dụng phần mềm chỉnh sửa Video Capcut sửa lại nội dung khách hàng nói đã nhận đủ số tiền giải ngân theo hồ sơ vay, rồi gửi V đã chỉnh sửa cho H3 để chứng minh khách đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng. Số tiền chiếm đoạt sẽ chuyển qua các tài khoản trung chuyển và các đối tượng rút tiền tại các cây ATM để chia nhau. Căn cứ kết quả điều tra xác định, các bị can đã sử dụng 03 tài khoản trung chuyển gồm:

- Tài khoản số 0131059684019 mang tên Vũ Tiến Đ2, mở tại Ngân hàng TMCP A1. Tài khoản này do H2 và Lê đăng K1 bằng thông tin của anh Vũ Tiến Đ2, sinh năm 1993 (trú tại Tổ dân phố S, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam) trong quá trình làm hồ sơ vay vốn cho anh Đ2 tháng 01/2022 (không được giải ngân).

- Tài khoản số 231240047 đăng ký tại Ngân hàng TMCP V2 bằng thông tin không có thật (CCCD đăng ký tài khoản ngân hàng số 033071004477, mang tên Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 08/3/1971 (hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên); xác minh số CCCD này được cấp cho ông An Kim Đ3, sinh ngày 08/3/1971 (trú tại Thôn Đ, xã B, thành phố H). Tài khoản này do Lê mua trên mạng xã hội.

- Tài khoản số 1180108031971 đăng ký tại Ngân hàng Q; đăng ký bằng thông tin của ông An Kim Đ3, sinh năm 1971 (trú tại Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên); xác minh ông Đ3 bị mất CCCD cuối năm 2021; không đăng ký, sử dụng tài khoản này. Tài khoản này cũng do Lê mua trên mạng xã hội.

Với phương thức, thủ đoạn trên, T, H2 và L1 đã tạo lập giả **04** hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F số tiền là **310.000.000 đồng**; sau khi trừ chi phí, T, H2, Lê mỗi người hưởng lợi số tiền là 79.667.000 đồng, cụ thể như sau:

(1) Ngày 20/01/2022, T, H2, L1 đến làng T, xã B (nay là tổ dân phố T, phường B), thị xã D, tỉnh Hà Nam làm hồ sơ vay vốn cho anh Đặng Đắc H5, sinh năm 2001 (trú tại Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình), là quản lý của Quán Internet tại làng T. L1 và H2 đến Quán cà phê gặp anh H5 làm hồ sơ, còn T tránh mặt vì thường xuyên ở Khu công nghiệp Đ, gần làng T, sợ có người nhận ra. Trước đó anh H5 liên hệ với trang quảng cáo của T muốn vay 10.000.000 đồng của Công ty T15, nên L1 và H2 giới thiệu giả danh là nhân viên của Công ty T15, hỗ trợ anh H5 làm hồ sơ vay vốn. Sau đó Lê chuyển thông tin cá nhân của anh H5 cho H3 tạo hồ sơ vay bằng mã Code KFE01240 (Code của Trương Đình T6, sinh năm 1998, trú tại Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên). Đồng thời H2 đăng ký tài khoản số 009012001 tại Ngân hàng TMCP Q1 bằng thông tin của anh H5 để làm tài khoản giải ngân trong hồ sơ; đăng nhập vào Code của H3, chụp ảnh chân dung anh H5 xác thực thông tin khách hàng, rồi đăng nhập ứng dụng Fe Mobile chụp ảnh CCCD và chân dung anh H5 để ký Hợp đồng vay vốn điện tử. Ngày 21/01/2022, Công ty F giải ngân số tiền 80.000.000 đồng. Sau đó L1 và H2 hẹn anh H5 đến Quán cà phê gặp hôm trước, nói dối anh H5 là Công ty T15 giải ngân số tiền anh H5 vay là 10.000.000 đồng và quay Video hướng dẫn anh H5 nói *"Tôi là* Đặng Đắc H5*, đã nhận đủ số tiền vay là mười triệu đồng"*; H2 hẹn anh H5 sẽ chuyển khoản số tiền trên cho anh H5, nhưng H2 không chuyển khoản. Nội dung V quay anh H5 trên được T sửa lại thành *"Tôi là* Đặng Đắc H5*, đã nhận đủ số tiền vay là tám mươi triệu đồng"* và gửi cho H3. Số tiền giải ngân được chuyển sang tài khoản trung chuyển và rút tại các cây ATM; Lê trả cho H3 8.000.000 đồng tiền thuê C, trừ 3.000.000 đồng chi phí làm hồ sơ, còn lại 69.000.000 đồng chia đều mỗi đối tượng 23.000.000 đồng. T không lấy tiền mặt mà nhờ Lê chuyển từ tài khoản số 03727995901 của Lê mở tại Ngân hàng T16 đến tài khoản số 0866834566 của T mở tại Ngân hàng Q. Một thời gian sau, anh H5 được Công ty F thông báo có khoản vay 80.000.000 đồng, anh H5 biết mình bị lợi dụng nên đã trình bày sự việc trên với Công ty F.

(2) Sáng ngày 24/01/2022, H2, L1 và T đến thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh làm hồ sơ vay vốn cho anh Trần Huy H6, sinh năm 1997 (trú tại Xóm A, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An; thuê trọ tại Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh), làm việc tại Khu công nghiệp B. Anh H6 muốn vay 10.000.000 đồng của Công ty T15. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, T, L1 và H2 gặp anh H6 tại Quán nước; T, L1 và H2 giới thiệu là nhân viên tín dụng của Công ty T15 được phân công hỗ trợ anh H6 làm hồ sơ vay vốn. Lê lấy thông tin của anh H6 gửi cho H3 tạo hồ sơ vay bằng mã Code KS460237 (Code của Triệu Thị N1, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên); H2 đăng ký tài khoản số 208091997 tại Ngân hàng TMCP Q1 bằng thông tin của anh H6 gửi lên nhóm Z để Lê gửi cho H3, rồi đăng nhập vào Code chụp ảnh CMND, ảnh chân dung của anh H6 xác thực thông tin khách hàng; T đăng nhập

ứng dụng Fe online chụp ảnh CMND, ảnh chân dung anh H6 để ký hợp đồng vay vốn điện tử. Ngày 25/01/2022, Công ty F giải ngân khoản vay bằng thông tin của anh H6, số tiền là 80.000.000 đồng. Sau đó T, H2 và L1 đến thôn D gặp anh H6 để quay Video, H2 hướng dẫn anh H6 nói *"Tôi là* Trần Huy H6*, đã nhận đủ số tiền giải ngân là mười triệu đồng"*, rồi L1 chuyển khoản cho anh H6 số tiền 10.000.000 đồng. T chỉnh nội dung anh H5 nói trong Video thành *"Tôi là* Trần Huy H6*, đã nhận đủ số tiền giải ngân là tám mươi triệu đồng"*. Lê chuyển khoản trả cho H3 8.000.000 đồng tiền thuê C và V đã chỉnh sửa; trừ 2.000.000 đồng chi phí đi làm hồ sơ, còn lại 60.000.000 đồng chia nhau mỗi đối tượng 20.000.000 đồng. Do H2 và T không lấy tiền mặt nên L1 đã chuyển số tiền trên vào các tài khoản do T và H2 cung cấp.

(3) Khoảng 7 giờ ngày 26/01/2022, H2 và L1 đến Quán trà đá trước cửa tòa nhà V3 thuộc phường M, quận H, Thành phố Hà Nội để làm hồ sơ vay vốn cho anh Doãn Tiến B, sinh năm 1995 (trú tại khu phố P, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Bắc Ninh), anh B muốn vay 30.000.000 đồng của Công ty T15; do T đang ở phường C, quận L, Hà Nội nên đến sau. Khi gặp nhau, H2 và Lê giới T7 với anh B là nhân viên tín dụng của Công ty T15, rồi Lê lấy thông tin của anh B chuyển cho H3 để tạo hồ sơ vay bằng mã Code KS460237 của Triệu Thị N1; còn H2 đăng ký tài khoản ngân hàng bằng thông tin của anh B (tài khoản số 0879815872 tại Ngân hàng TMCP A1) làm tài khoản giải ngân trong hồ sơ vay, chụp ảnh anh B để xác thực thông tin người vay và chụp CCCD, ảnh chân dung để ký hợp đồng vay vốn điện tử; ký xong hợp đồng thì T đến. Ngày 28/01/2022, Công ty F giải ngân hồ sơ vay bằng thông tin của anh B số tiền là 70.000.000 đồng; T và H2 hẹn anh B đến trước tòa nhà VTC online nói dối là Công ty T15 chỉ giải ngân 10.000.000 đồng và đưa cho cho anh B số tiền này, đồng thời quay V yêu cầu anh B nói *"Tôi là* Doãn Tiến B*, đã nhận đủ số tiền vay là mười triệu đồng"*; sau đó T sửa nội dung anh B nói thành *"Tôi là* Doãn Tiến B*, đã nhận đủ số tiền vay là bảy mươi triệu đồng"*, rồi gửi Video cho H3. Một thời gian sau anh B kiểm tra mới phát hiện không có khoản vay ở Công ty T15 mà bị lợi dụng thông tin làm hồ sơ vay tại Công ty F, nên đã liên hệ với Công ty F trình bày nội dung sự việc trên (anh B chưa trả lại số tiền 10.000.00 đồng đã nhận).

(4) Sau khi làm hồ sơ vay vốn bằng thông tin của anh Doãn Tiến B sáng 26/01/2022, H2 và Lê Đ4 đến Khu công nghiệp Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam để làm hồ sơ vay vốn cho chị Phạm Thị T8, sinh năm 2000 (trú tại thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam); T không đi vì sợ gặp người quen. Chị T8 đăng ký vay 40.000.000 đồng với Công ty M3 khi gặp nhau, H2 và L1 nói dối mình là nhân viên của Công ty M3. Lê lấy thông tin của chị T8 chuyển cho H3 làm hồ sơ vay bằng mã Code KS460237 của Triệu Thị N1; H2 sử dụng thông tin của chị T8 đăng ký tài khoản số 06095953002000 tại Ngân hàng TMCP Q, chụp ảnh chị T8 xác thực thông tin người vay và ký Hợp đồng vay vốn điện tử. Ngày 27/01/2022, Công ty F giải ngân hồ sơ vay bằng thông tin của chị T8 số tiền là 80.000.000 đồng; đến chiều ngày 28/01/2022, H2 và Lê hẹn gặp chị T8 tại khu vực xã T, thành phố P nói dối là Công ty M3 chỉ giải ngân số tiền 20.000.000

đồng, rồi chuyển khoản số tiền này cho chị T8 qua tài khoản trung chuyển; đồng thời quay V hướng dẫn chị T8 nói *"Tôi là* Phạm Thị T8*, đã nhận đủ số tiền vay là hai mươi triệu đồng",* sau đó chuyển cho T chỉnh sửa nội dung chị T8 nói thành *"Tôi là* Phạm Thị T8*, đã nhận đủ số tiền vay là tám mươi triệu đồng"* và gửi cho H3. Một thời gian sau chị T8 được Công ty F thông báo có khoản vay 80.000.000 đồng thì mới biết mình bị lợi dụng thông tin làm hồ sơ vay vốn (chị T8 trả lại số tiền 20.000.000 đồng đã nhận cho Công ty F).

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 150.000.000 đồng của Công ty F bằng thông tin 02 hồ sơ vay vốn của anh B và chị T8; trừ tiền thuê C trả cho H3 15.000.000 đồng, trả cho anh B và chị T8 30.000.000 đồng và chi phí đi lại, số tiền còn lại T, H2 và Lê chia nhau mỗi người hưởng lợi 34.600.000 đồng (H2 nhận tiền mặt, T nhận tiền do L1 chuyển khoản).

2. Hành vi độc lập của bị cáo Nguyễn Ngọc T trực tiếp tạo lập giả 19 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tiền của Công ty F:

Khoảng tháng 4/2022, T thuê, mượn Code trên mạng xã hội (không xác định được thuê, mượn của ai), rồi tìm những người có đủ điều kiện vay qua quảng cáo, mua và lọc dữ liệu khách hàng của các tổ chức tín dụng; khi biết người nào đang có nhu cầu vay vốn thì T liên hệ, nói dối mình là nhân viên của Công ty T15 được phân công hỗ trợ làm hồ sơ vay để nhằm lấy thông tin; trước khi đến gặp người vay, T sử dụng C đăng nhập vào ứng dụng Vymo để tạo hồ sơ vay vốn theo thông tin của vay cung cấp cho T trước đó (để trống phần tài khoản giải ngân và xác thực thông tin khách hàng); số điện thoại đăng ký trong hồ sơ vay là số do T quản lý. Sau đó T đến gặp người vay và sử dụng ứng dụng đăng ký tài khoản ngân hàng online chụp ảnh CMND hoặc CCCD, ảnh chân dung người vay, đăng ký tài khoản ngân hàng O (thường là Ngân hàng TMCP B1 vì dễ đăng ký) để làm tài khoản giải ngân trong hồ sơ, nhưng không cho người vay biết, mà nói dối là chụp ảnh để ký hợp đồng; số điện thoại sử dụng dịch vụ Banking cũng do T quản lý. Sau khi làm tài khoản xong, T đăng nhập ứng dụng Vymo, nhập số tài khoản ngân hàng vừa đăng ký bằng thông tin người vay vào phần tài khoản nhận tiền giải ngân trong hồ sơ và sử dụng ứng dụng này chụp ảnh CMND hoặc CCCD, ảnh chân dung người vay để xác thực thông tin khách hàng trong hồ sơ vay; tiếp theo T đăng nhập vào ứng dụng Fe online bằng số điện thoại đăng ký hồ sơ và mã OTP do hệ thống gửi, rồi làm theo hướng dẫn để xác thực thông tin khách hàng thêm một lần nữa, đến khi ứng dụng yêu cầu chụp ảnh chân dung người vay thì T tiếp tục chụp ảnh để ký hợp đồng vay. Nếu trước khi giải ngân, Công ty F gọi điện đến số tham chiếu (số người nhà của khách hàng nhập trong hồ sơ) để kiểm tra thì T nghe xác nhận quan hệ với khách hàng; sau đó hệ thống sẽ giải ngân tiền vay về tài khoản ngân hàng ghi trong hồ sơ, T sử dụng Banking chuyển số tiền này sang một tài khoản khác rồi rút ra chiếm đoạt. Trường hợp T lọc dữ liệu tìm được người đủ điều kiện vay vốn, nhưng người này không có nhu cầu vay thì T liên hệ nói dối mình là nhân viên của công ty bảo hiểm, do dịch Covid-19 nên hỗ trợ khách hàng bằng hình thức trả lại một phần số tiền bảo hiểm khách hàng đã nộp trong khoản vay trước đó; rồi T hẹn gặp để trao tiền hỗ trợ, nhằm mục đích chụp ảnh CMND hoặc CCCD, ảnh

chân dung để thực hiện các bước tạo lập hồ sơ vay vốn bằng thông tin của người này, chiếm đoạt tiền của Công ty F.

Với phương thức, thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 13/4/2022 đến 18/5/2022, T đã tạo lập giả 19 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F tổng số tiền là 1.064.900.000 đồng. Thông tin các hồ sơ vay vốn như sau:

(1) Hồ sơ vay khách hàng tên Lê Tuấn A, sinh năm 1993 (trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội), ký hợp đồng ngày 13/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng.

(2) Hồ sơ vay khách hàng tên Lê Phước T9, sinh năm 1995 (trú tại số B Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), ký hợp đồng ngày 19/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 54.400.000 đồng.

(3) Hồ sơ vay khách hàng tên Trần Văn M1, sinh năm 1999 (trú tại Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang), ký hợp đồng ngày 19/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 70.000.000 đồng.

(4) Hồ sơ vay khách hàng tên Nguyễn Thị H7, sinh năm 1984 (trú tại xóm P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh), ký hợp đồng ngày 22/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 48.000.000 đồng.

(5) Hồ sơ vay khách hàng tên Ngô Thị N2, sinh năm 1972 (trú tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh), ký hợp đồng ngày 22/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 45.100.000 đồng.

(6) Hồ sơ vay khách hàng tên Nguyễn Thị N3, sinh năm 1992 (trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định), ký hợp đồng ngày 23/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 64.300.000 đồng.

(7) Hồ sơ vay khách hàng tên Nguyễn Văn H8, sinh năm 1969 (trú tại thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam), ký hợp đồng ngày 24/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 40.200.000 đồng.

(8) Hồ sơ vay khách hàng tên Long Văn D2, sinh năm 1994 (trú tại thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang), ký hợp đồng ngày 24/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 32.300.000 đồng.

(9) Hồ sơ vay khách hàng tên Phùng Xuân H9, sinh năm 1991 (trú tại xóm B, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ), ký hợp đồng ngày 28/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 67.200.000 đồng.

(10) Hồ sơ vay khách hàng tên Nguyễn Lan H10, sinh năm 1981 (trú tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ), ký hợp đồng ngày 29/4/2022, số tiền chiếm đoạt là 69.200.000 đồng.

(11) Hồ sơ vay khách hàng tên Đặng Minh C1, sinh năm 1996 (trú tại thôn N, xã S, huyện Ứ, Thành phố Hà Nội), ký hợp đồng ngày 03/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 49.700.000 đồng.

(12) Hồ sơ vay khách hàng tên Đinh Văn T10, sinh năm 1993 (trú tại Bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La), ký hợp đồng ngày 06/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 68.500.000 đồng.

(13) Hồ sơ vay khách hàng tên Đinh Quang H11, sinh năm 1997 (trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội), ký hợp đồng ngày 08/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 58.400.000 đồng.

(14) Hồ sơ vay khách hàng tên Đinh Thị S, sinh năm 1990 (trú tại thôn H, xã X, X, Nam Định), ký hợp đồng ngày 08/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 90.000.000 đồng.

(15) Hồ sơ vay khách hàng tên Phạm Thị L2, sinh năm 1990 (trú tại KCN T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình), ký hợp đồng ngày 10/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 16.900.000 đồng.

(16) Hồ sơ vay khách hàng tên Hà Thị N4, sinh năm 1998 (trú tại bản Mường Cát, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An), ký hợp đồng ngày 16/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 70.000.000 đồng.

(17) Hồ sơ vay khách hàng tên Nguyễn Văn S1, sinh năm 1984 (trú tại số C ngõ A, thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố Hà Nội), ký hợp đồng ngày 17/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 95.000.000 đồng.

(18) Hồ sơ vay khách hàng tên Kiều Bá L3, sinh năm 1994 (trú tại thôn P, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội), ký hợp đồng ngày 18/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 58.200.000 đồng.

(19) Hồ sơ vay khách hàng Trần Trọng T11, sinh năm 1995 (trú tại thôn V, xã N, L, tỉnh Hà Nam), ký hợp đồng ngày 18/5/2022, số tiền chiếm đoạt là 37.500.000 đồng.

Trong những hồ sơ trên, T không trực tiếp làm hồ sơ vay vốn khách hàng tên Long Văn D2 ở tỉnh Tuyên Quang mà nhờ em họ là Nguyễn Anh M2, sinh năm 2000 (trú tại tổ A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái) đến thành phố T gặp anh D2 để ký hợp đồng vay vốn, vì ngày 24/4/2022 T đi làm hồ sơ khách hàng Nguyễn Văn H8 ở tỉnh Hà Nam. T không nói cho M2 việc làm giả hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tiền của Công ty F; M2 chỉ làm theo hướng dẫn của T và đưa cho anh D2 500.000 đồng, M2 có hỏi T là tiền gì nhưng T không nói mà dặn M2 nói là đi làm hộ người khác nên không biết tiền gì (trước đó T đã gọi điện cho anh D2 nói có nhân viên đến chi trả tiền bảo hiểm và chụp ảnh để xác nhận). Sau khi ký hợp đồng xong, T trả công cho M2 2.000.000 đồng và cho thêm 3.000.000 đồng để M2 đi chữa bệnh. Từ ngày 07/5/2022 đến hết ngày 18/5/2022, T còn thuê Vũ Quốc H12, sinh năm 1997 (trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định) chạy quảng cáo tìm khách vay vốn của Công ty F, nhưng T không cho H12 biết tìm khách để làm giả hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt tiền; T trả công cho H12 số tiền 30.000.000 đồng. Ngoài ra, T khai việc tạo lập giả 19 hồ sơ vay vốn trên, còn có Lê Đức H2 (bị can trong vụ án này) cùng tham gia; H2 là người thuê C, mua sim điện thoại, mua và quản lý các tài khoản ngân hàng sử dụng làm tài khoản trung chuyển, quản lý tài khoản giải ngân trong hồ sơ vay vốn. H2 đi gặp khách hàng cùng T nhưng không ra gặp mà ngồi một chỗ tạo lập hồ sơ, còn T gặp khách chụp ảnh xác thực thông tin để tạo hồ sơ và ký hợp đồng vay vốn điện tử. Sau khi Công ty F giải ngân, H2 chuyển tiền từ tài khoản nhận tiền giải ngân sang tài khoản trung chuyển, rút tiền tại các cây ATM rồi sử dụng

tài khoản ngân hàng của H2 chuyển khoản phần tiền thoả thuận ăn chia cho T (H2 đã chia cho T số tiền là 345.900.000 đồng, trong đó 12.000.000 đồng tiền mặt, 333.900.000 đồng chuyển khoản). Tuy nhiên quá trình điều tra, H2 không thừa nhận việc cùng T tạo lập giả 19 hồ sơ vay vốn này; H2 khai số tiền chuyển khoản cho T là tiền H2 và T buôn bán điện thoại di động cùng nhau. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, nhưng không đủ căn cứ xác định việc H2 tham gia cùng với T tạo lập giả 19 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tiền của Công ty F nêu trên.

3. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Huy Đ

Khoảng tháng 9/2021, trong quá trình làm dịch vụ hỗ trợ khách hàng vay vốn của Công ty F, do dịch Covid-19 bùng phát phải cách ly, không gặp được khách hàng để thực hiện dịch vụ, phải hướng dẫn khách hàng làm hồ sơ từ xa, nên Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1992 (trú tại tổ A, cụm C, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội) đã nảy sinh ý định tạo lập giả hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt tiền giải ngân của Công ty F. Đ vào các hội, nhóm hỗ trợ vay vốn trên mạng xã hội để thuê người tìm kiếm khách hàng có nhu cầu vay vốn của Công ty F, kiểm tra trên hệ thống Ngân hàng (CIC, PEGA) xem những khách hàng này có đủ điều kiện vay vốn không, vay được bao nhiêu tiền; đồng thời Đại thuê, mượn Code tạo lập hồ sơ trên ứng dụng Vymo của Công ty F; thuê sim điện thoại có tin nhắn của Công ty F cho vay tiền để làm số điện thoại khách hàng trong hồ sơ vay, số điện thoại này cũng là số để đăng nhập ứng dụng Fe Mobile ký hợp đồng vay vốn điện tử; mua sim điện thoại làm số tham chiếu trong hợp đồng.

Sau đó Đ đăng nhập vào ứng dụng V1, nhập số điện thoại khách hàng bằng số sim đi thuê; liên hệ gửi Code cho khách, hướng dẫn đăng nhập vào ứng dụng Vymo để chụp ảnh CMND hoặc CCCD, chụp ảnh chân dung xác thực thông tin khách hàng trong hồ sơ. Sau khi hồ sơ được xác thực, Đ tiếp tục hướng dẫn khách hàng thoát khỏi ứng dụng Vymo, rồi đăng nhập lại điền các nội dung còn thiếu như số tham chiếu, mức thu nhập, tài khoản ngân hàng giải ngân. Tạo lập xong hồ sơ và yêu cầu ký hợp đồng vay, Đ hướng dẫn khách đăng nhập vào ứng dụng Fe Mobile để ký Hợp đông vay vốn điện tử. Đối với tài khoản giải ngân trong hợp đồng, Đ cũng hướng dẫn khách hàng tự đăng ký online theo số điện thoại Đ cung cấp và nói dối đây là tài khoản làm bảo hiểm của khoản vay, mật khẩu do Đ hướng dẫn khách nhập. Ký thành công hợp đồng vay vốn và được hệ thống giải ngân vào tài khoản trong hồ sơ vay, Đ chuyển luôn số tiền này vào tài khoản ngân hàng của mình, chặn liên lạc với khách hàng và rút tiền ra chiếm đoạt, sử dụng. Trường hợp Công ty F gọi điện cho người thân của khách hàng để xác thực thông tin thì Đại tự nghe và trả lời theo thông tin nhập trong hồ sơ, nếu là nữ giới thì Đ sử dụng máy điện thoại thay đổi giọng nói.

Với phương thức, thủ đoạn trên, từ ngày 17 đến ngày 20/9/2022, Nguyễn Huy Đ đã có hành vi tạo lập giả 07 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F tổng số tiền là 400.900.000 đồng. Các hồ sơ vay vốn có thông tin như sau:

(1) Thái Văn T12, sinh năm 1999 (trú tại ấp B, xã L, huyện N, Đồng Nai), được giải ngân 50.000.000 đồng ngày 17/9/20212021.

(2) Nguyễn Thị H13, sinh năm 1967 (trú tại B, khu phố C, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh), được giải ngân 70.000.000 đồng ngày 17/9/2021.

(3) Trần Thanh P, sinh năm 1995 (trú tại Số A P, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên) được giải ngân 41.000.000 đồng ngày 17/9/2021.

(4) Nguyễn Doanh H14, sinh năm 1995 (trú tại thôn T, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội), được giải ngân 64.900.000 đồng ngày 17/9/2021.

(5) Nguyễn Phi T13, sinh năm 1976 (trú tại T, xã Đ, huyện Đ, Tỉnh Quảng Nam), được giải ngân 70.000.000 đồng ngày 18/9/2021.

(6) Đoàn Viết S2, sinh năm 1996 (trú tại ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên), được giải ngân 55.000.000 đồng ngày 20/9/2021.

(7) Lê Bá H15, sinh năm 1987 (trú tại xóm I, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An), được giải ngân 50.000.000 đồng ngày 20/9/2021.

4. Hành vi "Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông" của Phạm Quốc Công T1.

Nắm bắt được nhu cầu mua bán, sử dụng thông tin cá nhân, Phạm Quốc Công T1 đã tìm kiếm, khai thác, thu thập thông tin cá nhân trên mạng Internet, lưu giữ thành các tệp (file exell), lọc theo giới tính, tỉnh, nghề nghiệp... để nhằm mục đích bán cho những người có nhu cầu mua, sử dụng với giá từ 500 đồng đến 2.000 đồng/01 thông tin cá nhân. Phạm Quốc Công T1 sử dụng zalo "Mrthành" quảng cáo, nhắn tin liên hệ bán thông tin cá nhân cho người khác, gửi thông tin bán, hoặc qua Gmail nameslesz@gmail.coma Phạm Quốc Công T1 và sử dụng tài khoản ngân hàng số 005704060281250 của T1 mở tại Ngân hàng TMCP Q1, hoặc ví điện tử Momo đăng ký bằng số điện thoại 0777.037.506 (đăng ký thuê bao bằng thông tin cá nhân của Phạm Quốc Công T1) để giao dịch mua, bán thông tin cá nhân. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2022, Phạm Quốc Công T1 đã bán thông tin cá nhân của người khác cho 45 đối tượng; số lượng thông tin cá nhân bán ra, Cơ quan điều tra đã phát hiện, thu giữ được 166 tệp = 84.153 thông tin cá nhân; tổng số tiền Phạm Quốc Công T1 được hưởng lợi bất chính là 60.570.000 đồng.

**** Về trưng cầu và kết luận giám định:***

- Ngày 19/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T ra Quyết định trưng cầu giám định số 94/QĐ-CSKT về trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Phòng K2 Công an tỉnh T, giám định kỹ thuật số và điện tử đối với các thiết bị điện tử là điện thoại di động, máy tính thu giữ trong quá trình điều tra của bị can Phạm Quốc Công Thành.

- Ngày 22/8/2023, Phòng K2 Công an tỉnh T có Kết luận giám định số 732/KL-KTHS, kết luận trong mẫu gửi giám định, tìm thấy dữ liệu (thời gian từ ngày 01/01/2021 đến ngày 22/11/2022), gồm:

+ Mẫu vật ký hiệu A42:

118 cuộc gọi di động đi, đến; 49 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Zalo.

10 tin nhắn SMS đi, đến; 26.658 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 100 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Discord; 309 MB (324,542,438 bytes) dữ liệu (file âm thanh, hình ảnh) lưu trong tin nhắn.

+ Mẫu giám định Ký hiệu A43:

132 cuộc gọi di động đi, đến; 102 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 218 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Zalo; 252 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Telegram.

720 tin nhắn SMS đi, đến; 20.271 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 72 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Instagram; 8.699 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Telegram.

+ Mẫu giám định Ký hiệu A45: 05 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 1.653 cuộc gọi qua ứng dụng Zalo.

20 tin nhắn SMS đi, đến; 151 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 203.589 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 946 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Telegram; 372 MB (390,542,280 bytes) dữ liệu (file âm thanh, hình ảnh, văn bản…) lưu trong tin nhắn.

+ Mẫu giám định Ký hiệu A47: 996 cuộc gọi di động đi, đến; 30 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger.

2.269 tin nhắn SMS đi, đến; 334 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 678.632 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 383 MB (402,187,239 bytes) dữ liệu (file âm thanh, hình ảnh, văn bản…) lưu trong tin nhắn.

(Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi và tin nhắn trong các mẫu giám định ký hiệu A44, A46, A48, A49).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T, bị cáo Nguyễn Huy Đ phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo Phạm Quốc Công T1 phạm tội: "Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 13 (Mười ba) năm tù. Hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 27/02/2024)

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Đ 08 (Tám) năm 06 (S3) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 26/2024 ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Huy Đ 19 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 năm 6 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" thành hình phạt chung là **30** (Ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 26/11/2022).

- Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 288; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc Công T1 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo bồi thường cho Công ty T15 *(*Công ty F2*)* và truy thu tiền do phạm tội mà có:

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường số tiền 1.144.567.000 đồng

+ Bị cáo Nguyễn Huy Đ còn phải bồi thường 385.000.000 đồng

+ Truy thu đối với bị cáo Phạm Quốc Công T1 số tiền 60.570.000 đồng do phạm tội mà có.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2025, bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo; ngày 11/4/2025, bị cáo Nguyễn Huy Đ có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo của 02 bị cáo: Đề nghị được giảm hình phạt.

Ngày 09/5/2025, bị cáo Phạm Quốc Công T1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị cáo Phạm Quốc Công T1 có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì đang mang bệnh hiểm nghèo (Suy thận).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, nội dung kháng cáo, có quan điểm:

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ đã tự nguyện rút kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Nguyễn Huy Đ. Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Nguyễn Huy Đ có hiệu lực pháp luật từ ngày 11/6/2025.

+ Đối với bị cáo Phạm Quốc Công T1: Hình phạt 06 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định với bị cáo là thỏa đáng nên không chấp nhận nội dung kháng cáo được giảm hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự với bị cáo do phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đồng thời căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 65 Bộ luật Hình sự để sửa quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bị cáo Phạm Quốc Công T1, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ có quan điểm: Các bị cáo đã tự nguyện rút kháng cáo là quyền của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng của tỉnh Tuyên Quang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ đã tự nguyện rút kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ. Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ có hiệu lực pháp luật từ ngày 11/6/2025.

[4] Lời khai của bị cáo Phạm Quốc Công T1 tại Cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với lời khai của những người làm chứng, dữ liệu điện tử và các tài liệu, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định kỹ thuật số và điện tử đối với các thiết bị điện tử là điện thoại di động, máy tính thu giữ trong quá trình điều tra của Phạm Quốc Công T1, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

- Trong thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 11/2022, Phạm Quốc Công T1 đã có hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông thu thập và bán 84.153 thông tin riêng hợp pháp của các cá nhân, không được sự đồng ý của các chủ sở hữu hưởng lợi bất chính số tiền 60.570.000 đồng.

- Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý, vì mục đích thu lợi bất chính khi bán các thông tin riêng hợp pháp của các cá nhân trên mạng máy tính do bị cáo đã thu thập mà không được sự đồng ý của chủ sử hữu thông tin đó. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã kết án bị cáo về tội "Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Quốc Công T1 về việc giảm nhẹ hình phạt:

Tội phạm của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 288 Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự "thành khẩn khai báo" là đúng, ngoài ra Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên sẽ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên mức

hình phạt 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo chỉ là mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 288 Bộ luật Hình sự và thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo về việc giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Quốc Công T1 về việc được hưởng án treo:

Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hiện tại bị cáo mắc nhiều bệnh nghiêm trọng, là đối tượng được hưởng trợ cấp giúp xã hội do mắc bệnh hiểm nghèo (Suy thận) với mức 360.000 đồng/tháng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định một khoảng thời gian thử thách phù hợp, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát trong thời gian thử thách, tạo điều kiện để bị cáo sinh hoạt, chữa bệnh trong môi trường tốt hơn tại Trại giam như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Huy Đ, Phạm Quốc Công T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Huy Đ. Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Nguyễn Huy Đ có hiệu lực pháp luật từ ngày 11/6/2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt; chấp nhận kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của bị cáo Phạm Quốc Công T1; Sửa quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10a/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bị cáo Phạm Quốc Công T1 như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quốc Công T1 phạm tội: "Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"

- Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 288; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc Công T1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (111/6/2025).

Giao bị cáo Phạm Quốc Công T1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục theo dõi, giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho bị cáo được hưởng án treo.

3. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 - TAND tối cao.
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
-VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Các bị cáo Tùng, Đại (qua trại);
- Bị cáo Thành (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh